

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX - kỳ họp thứ năm về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 hướng dẫn chi tiết điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-BNN-TT ngày 12/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 722/SNN-TT ngày 25/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đến năm 2020 (Có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã kiểm tra việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.



- Tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các huyện, thị xã gửi UBND tỉnh để báo cáo các Bộ, ngành Trung ương liên quan trước 30/6 và 31/12 hàng năm.

- Thực hiện các nhiệm vụ tại điều 2 Quyết định số 586/QĐ-BNN-TT ngày 12/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đến năm 2020.

2. UBND các huyện, thị xã

- Lập và ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo Kế hoạch chuyển đổi của UBND tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn quản lý;

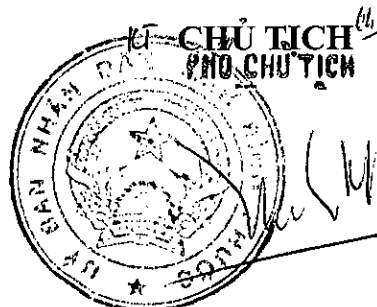
- Định kỳ báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trước 15/6 và 15/12 hàng năm theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Sở Nông nghiệp và PTNT, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện các nội dung tại khoản 4, điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2016 hướng dẫn chi tiết điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp-PTNT (bc);
- Thường trực Tỉnh ủy (bc);
- Thường trực HĐND (bc);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th qđ 20-018).



Nguyễn Anh Minh

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA ĐẾN NĂM 2020
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 04 / 7 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: ha

TT	Huyện, thị xã	Kế hoạch chuyển đổi 2017 - 2020														
		Tổng số			Trong đó chia theo các năm											
		Tổng số	Cây HN	Cây LN	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
Tổng số	Cây HN				Cây LN	Tổng số	Cây HN	Cây LN	Tổng số	Cây HN	Cây LN	Tổng số	Cây HN	Cây LN		
	Toàn tỉnh	554	0	277	136	0	68	144	0	72	148	0	74	126	0	63
1	Đông Xoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Đông Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chơn Thành	150	0	75	36	0	18	40	0	20	44	0	22	30	0	15
4	Bình Long	122	0	61	28	0	14	34	0	17	32	0	16	28	0	14
5	Lộc Ninh	184	0	92	48	0	24	44	0	22	50	0	25	42	0	21
6	Hớn Quản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Bù Đốp	98	0	49	24	0	12	26	0	13	22	0	11	26	0	13
8	Phước Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Bù Gia Mập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Bù Đăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Phú Riềng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Tổng số = Diện tích cây hàng năm + Diện tích canh tác cây lâu năm x 2 (lần)

Cây HN: Cây hàng năm*: tính theo diện tích gieo trồng; cây LN: Cây lâu năm*: tính theo diện tích canh tác

